

Số: 08a/TB-TTYT

Phường Cao Lãnh, ngày 15 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO

**Về việc công khai mức giá thu dịch vụ
không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế
thực hiện tại Trung tâm Y tế khu vực Cao Lãnh 1**

Kính gửi:

- Lãnh đạo Khoa, phòng;
- Trạm Y tế phường;
- Các Điểm Y tế

Căn cứ Quyết định số 149/QĐ-SYT ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Sở Y tế Đồng Tháp về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác của Trung tâm Y tế thành phố Cao Lãnh thuộc Sở Y tế Đồng Tháp;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về việc “Quy định chi tiết một số điều của luật khám bệnh, chữa bệnh”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21 tháng 8 năm 2015 của Bộ Trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc “Quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái ô tô và Quy định về cơ Sở Y tế khám sức khỏe cho người lái xe”;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 28/12/2024 của Hội đồng nhân dân Tỉnh bãi bỏ Nghị quyết số 280/2019/NQ-HĐND ngày 08/10/2019 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về việc ban hành bảng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do Nhà nước thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp quản lý;

Căn cứ theo Công văn số 5590/SYT-KHTC ngày 31/12/2024 của Sở Y tế Đồng Tháp về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ Quyết định số 106/QĐ-UBND-TL ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc thành lập các tổ chức hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp;

Thông báo này thay thế Thông báo số 766/TB-TTYT của Trung tâm Y tế thành phố Cao Lãnh ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc công khai mức giá thu dịch vụ không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế thực hiện tại Trung tâm Y tế thành phố Cao Lãnh.

Trung tâm Y tế khu vực Cao Lãnh 1 thông báo các nội dung:

Thực hiện theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Tháp với mức giá thu dịch vụ như sau:

(Đính kèm theo bảng giá)

Thời gian áp dụng: từ ngày 01/8/2025.

Đề nghị Lãnh đạo Khoa, Phòng và Trạm Y tế phường, các Điểm Y tế thực hiện tốt nội dung Thông báo này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Trương Quốc Dũng

BẢNG GIÁ THU DỊCH VỤ

(Kèm theo thông báo số: 08a/TB-TTYT ngày 15 tháng 07 năm 2025 của TTYT khu vực Cao Lãnh 1)

Đơn vị tính: đồng				
STT	MÃ DỊCH VỤ	NỘI DUNG	MỨC GIÁ	GHI CHÚ
1		Công khám (Trung tâm Y tế)	39.800	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
2		Công khám (Trạm Y tế)	36.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
3		Khám sức khỏe toàn diện lao động, lái xe, khám sức khỏe định kỳ (không kể xét nghiệm, X-quang)	160.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
4		Phô tô	10.000	
5	01.0285.1349	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường	13.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
6	01.0002.1778	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	39.900	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
7	02.0314.0001	Siêu âm ổ bụng	58.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
8	18.0121.0013	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
9	18.0081.2001	Chụp X-quang răng cận chóp (Periapical)	16.100	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
10	18.0072.0028	Chụp X-quang Blondeau [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
11	18.0125.0028	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
12	18.0089.0028	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2 [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
13	18.0087.0028	Chụp X-quang cột sống cổ chéch hai bên [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
14	18.0086.0028	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
15	18.0096.0028	Chụp X-quang cột sống cùng cắt thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
16	18.0090.0028	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
17	18.0092.0028	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chéch hai bên [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
18	18.0095.0028	Chụp X-quang cột sống thắt lưng De Sèze [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
19	18.0094.0028	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
20	18.0093.0028	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024

STT	MÃ DỊCH VỤ	NỘI DUNG	MỨC GIÁ	GHI CHÚ
21	18.0091.0028	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
22	18.0123.0028	Chụp X-quang đỉnh phổi ưỡn [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
23	18.0074.0028	Chụp X-quang hàm chéch một bên [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
24	18.0073.0028	Chụp X-quang Hirtz [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
25	18.0076.0028	Chụp X-quang hố yên thẳng hoặc nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
26	18.0071.0028	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
27	18.0112.0028	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéch [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
28	18.0110.0028	Chụp X-quang khớp háng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
29	18.0109.0028	Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
30	18.0105.0028	Chụp X-quang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle) [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
31	18.0104.0028	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéch [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
32	18.0080.0028	Chụp X-quang khớp thái dương hàm [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
33	18.0122.0028	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chéch [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
34	18.0101.0028	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chéch [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
35	18.0100.0028	Chụp X-quang khớp vai thẳng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
36	18.0098.0028	Chụp X-quang khung chậu thẳng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
37	18.0068.0028	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
38	18.0069.0028	Chụp X-quang mặt thấp hoặc mặt cao [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
39	18.0085.0028	Chụp X-quang mỏm trâm [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
40	18.0120.0028	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chéch mỗi bên [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
41	18.0119.0028	Chụp X-quang ngực thẳng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
42	18.0067.0028	Chụp X-quang sọ thẳng/ngiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
43	18.0070.0028	Chụp X-quang sọ tiếp tuyến [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
44	18.0102.0028	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
45	18.0108.0028	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéch [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024

STT	MÃ DỊCH VỤ	NỘI DUNG	MỨC GIÁ	GHI CHÚ
46	18.0116.0028	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
47	18.0113.0028	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
48	18.0114.0028	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
49	18.0106.0028	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
50	18.0103.0028	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
51	18.0075.0028	Chụp X-quang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
52	18.0115.0028	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
53	18.0107.0028	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
54	18.0099.0028	Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chếch [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
55	18.0111.0028	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
56	18.0117.0028	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
57	18.0121.0028	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
58	18.0072.0029	Chụp X-quang Blondeau [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
59	18.0089.0029	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2 [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
60	18.0086.0029	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
61	18.0096.0029	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
62	18.0090.0029	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
63	18.0092.0029	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chếch hai bên [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
64	18.0093.0029	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
65	18.0091.0029	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
66	18.0071.0029	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
67	18.0112.0029	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
68	18.0104.0029	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
69	18.0068.0029	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024

STT	MÃ DỊCH VỤ	NỘI DUNG	MỨC GIÁ	GHI CHÚ
70	18.0067.0029	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
71	18.0102.0029	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
72	18.0108.0029	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
73	18.0116.0029	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
74	18.0113.0029	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
75	18.0114.0029	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
76	18.0106.0029	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
77	18.0115.0029	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
78	18.0107.0029	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
79	18.0111.0029	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
80	18.0117.0029	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
81	18.0088.0030	Chụp X-quang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế [số hóa 3 phim]	130.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
82	18.0097.0030	Chụp X-quang khớp cùng chậu thẳng chếch hai bên [số hóa 3 phim]	130.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
83	21.0014.1778	Điện tim thường	39.900	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
84	22.0019.1348	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	13.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
85	22.9000.1349	Thời gian đông máu	13.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
86	22.0138.1362	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	39.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
87	22.0121.1369	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	49.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
88	23.0019.1493	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	22.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
89	23.0020.1493	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	22.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
90	23.0003.1494	Định lượng Acid Uric [Máu]	22.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
91	23.0007.1494	Định lượng Albumin [Máu]	22.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
92	23.0051.1494	Định lượng Creatinin (máu)	22.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
93	23.0076.1494	Định lượng Globulin [Máu]	22.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024

STT	MÃ DỊCH VỤ	NỘI DUNG	MỨC GIÁ	GHI CHÚ
94	23.0075.1494	Định lượng Glucose [Máu]	22.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
95	23.0060.1496	Định lượng Ethanol (cồn) [Máu]	33.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
96	23.0041.1506	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	28.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
97	23.0084.1506	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	28.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
98	23.0112.1506	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	28.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
99	23.0158.1506	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]	28.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
100	23.0234.1510	Đường máu mao mạch	16.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
101	23.0063.1514	Định lượng Ferritin [Máu]	84.100	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
102	23.0077.1518	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]	20.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
103	23.0083.1523	Định lượng HbA1c [Máu]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
104	23.0244.1544	Phản ứng CRP	22.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
105	23.0121.1548	Định lượng proBNP (NT-proBNP) [Máu]	424.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
106	23.0068.1561	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine) [Máu]	67.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
107	23.0069.1561	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu]	67.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
108	23.0161.1569	Định lượng Troponin I [Máu]	78.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
109	23.0162.1570	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]	61.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
110	23.0173.1575	Định tính Amphetamine (test nhanh) [niệu]	44.800	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
111	23.0188.1586	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh) [niệu]	44.800	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
112	23.0195.1589	Định tính Codein (test nhanh) [niệu]	44.800	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
113	23.0194.1589	Định tính Morphin (test nhanh) [niệu]	44.800	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
114	23.0193.1589	Định tính Opiate (test nhanh) [niệu]	44.800	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
115	23.0187.1593	Định lượng Glucose (niệu)	14.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
116	23.0201.1593	Định lượng Protein (niệu)	14.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
117	23.0206.1596	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	28.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
118	23.0256.1599	Xentonic/sắc tố mật/muối mật/urobilinogen	6.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024

STT	MÃ DỊCH VỤ	NỘI DUNG	MỨC GIÁ	GHI CHÚ
119	23.0217.1605	Định lượng Glucose [dịch chọc dò]	13.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
120	23.0220.1608	Phản ứng Rivalta [dịch]	8.800	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
121	24.0169.1616	HIV Ab test nhanh	58.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
122	24.0144.1621	HCV Ab test nhanh	58.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
123	24.0183.1637	Dengue virus NS1Ag test nhanh	142.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
124	24.0127.1643	HBcAb test nhanh	65.200	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
125	24.0133.1643	HBeAb test nhanh	65.200	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
126	24.0122.1643	HBsAb test nhanh	65.200	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
127	24.0130.1645	HBeAg test nhanh	65.200	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
128	24.0117.1646	HBsAg test nhanh	58.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
129	24.0267.1674	Trứng giun, sán soi tươi	45.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
130	24.0319.1674	Vi nấm soi tươi	45.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
131	24.0289.1694	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính	35.100	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
132	24.0017.1714	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	74.200	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
133	24.0099.1708	Treponema pallidum RPR định tính và định lượng [định tính]	41.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
134	13.0148.0630	Lấy dị vật âm đạo	653.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
135	13.0231.0643	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 8 tuần	352.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
136	13.0229.0643	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 9 tuần	352.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
137	13.0241.0644	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không	450.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
138	13.0239.0645	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần	199.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
139	13.0238.0648	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không	429.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
140		Đặt và tháo dụng cụ tử cung	252.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
141	25.0089.1735	Xét nghiệm tế bào học áp nhuộm thường quy	190.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
142	24.0001.1714	Vi khuẩn nhuộm soi	74.200	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
143	24.0321.1674	Vi nấm nhuộm soi	45.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024

STT	MÃ DỊCH VỤ	NỘI DUNG	MỨC GIÁ	GHI CHÚ
144	24.0318.1674	Trichomonas vaginalis nhuộm soi	45.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
145	24.0317.1674	Trichomonas vaginalis soi tươi	45.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
146		Đánh giá số lượng các thao tác cần thiết để thực hiện một nhiệm vụ đơn giản hoặc những thao tác lặp lại nhiều lần	140.000	Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
147		Hơi khí độc chỉ điểm và các hơi khí độc khác: CO; SO ₂ ; CO ₂ ; NO ₂ ; H ₂ S; NH ₃	140.000	Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
148		Nhiệt độ, Âm độ, Vận tốc gió	56.000	Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
149		Đo ánh sáng	18.000	Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
150		Bụi hô hấp - trọng lượng (mẫu thời điểm)	140.000	Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
151		Ồn chung	35.000	Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
152		Điện từ trường (tần số cao)	90.000	Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
153		Điện từ trường (tần số công nghiệp)	56.000	Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
154		Đánh giá tư thế lao động theo phương pháp Owass	70.000	Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
155		Đánh giá căng thẳng thần kinh tâm lý	22.000	Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
156	01.0216.0103	Đặt ống thông dạ dày	101.800	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
157	02.0145.1777	Ghi điện não thường quy	75.200	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
158	02.0024.1791	Đo chức năng hô hấp	144.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
159	03.0113.0074	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	532.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
160	03.1703.0075	Cắt chỉ khâu da	40.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
161	03.1690.0075	Cắt chỉ khâu kết mạc	40.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
162	03.3826.0075	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	40.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
163	03.3911.0200	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài ≤ 15cm]	64.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
164	03.3826.0200	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài ≤ 15cm]	64.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
165	03.3911.0201	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	89.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
166	03.3826.2047	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	89.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
167	03.3911.0202	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	121.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024

STT	MÃ DỊCH VỤ	NỘI DUNG	MỨC GIÁ	GHI CHÚ
168	03.3826.0202	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	121.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
169	03.3911.0203	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng]	148.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
170	03.3826.0203	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng]	148.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
171	03.3911.0204	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	193.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
172	03.3826.0204	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	193.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
173	03.3911.0205	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	275.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
174	03.3826.0205	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	275.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
175	03.2389.0212	Tiêm bắp thịt	15.100	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
176	03.2388.0212	Tiêm dưới da	15.100	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
177	03.2390.0212	Tiêm tĩnh mạch	15.100	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
178	03.2387.0212	Tiêm trong da	15.100	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
179	03.2391.0215	Truyền tĩnh mạch	25.100	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
180	03.3821.0216	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	194.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
181	03.3827.0216	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm [tổn thương nông]	194.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
182	03.2245.0216	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn thương nông chiều dài < 10 cm]	194.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
183	03.3825.0217	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [tổn thương nông]	269.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
184	03.2245.0217	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn thương nông chiều dài $\geq$ 10 cm]	269.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
185	03.0446.0227	Cấy chỉ điều trị đau lưng	156.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
186	03.0411.0227	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh tọa	156.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
187	03.0449.0227	Cấy chỉ điều trị hội chứng vai gáy	156.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
188	03.0406.0227	Cấy chỉ điều trị liệt chi dưới	156.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
189	03.0405.0227	Cấy chỉ điều trị liệt chi trên	156.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
190	03.0407.0227	Cấy chỉ điều trị liệt nửa người	156.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
191	03.0445.0227	Cấy chỉ điều trị thoái hóa khớp	156.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024

STT	MÃ DỊCH VỤ	NỘI DUNG	MỨC GIÁ	GHI CHÚ
192	03.0671.0228	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	37.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
193	03.0672.0228	Cứu điều trị đau thần kinh tọa thể hàn	37.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
194	03.0527.0230	Điện châm điều trị đau lưng	78.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
195	03.0467.0230	Điện châm điều trị đau thần kinh tọa	78.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
196	03.0461.0230	Điện châm điều trị di chứng bại liệt	78.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
197	03.0530.0230	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy	78.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
198	03.0463.0230	Điện châm điều trị liệt chi dưới	78.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
199	03.0462.0230	Điện châm điều trị liệt chi trên	78.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
200	03.0484.0230	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	78.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
201	03.0464.0230	Điện châm điều trị liệt nửa người	78.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
202	03.0526.0230	Điện châm điều trị thoái hóa khớp	78.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
203	03.0483.0230	Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	78.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
204	03.0525.0230	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp	78.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
205	03.0529.0230	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai	78.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
206	03.0773.0234	Điều trị bằng các dòng điện xung	44.900	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
207	03.0774.0237	Điều trị bằng tia hồng ngoại	40.900	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
208	03.0274.0238	Kéo nắn cột sống cổ	54.800	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
209	03.0275.0238	Kéo nắn cột sống thắt lưng	54.800	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
210	03.0708.0253	Siêu âm điều trị	48.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
211	03.0648.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
212	03.0607.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh tọa	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
213	03.0651.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
214	03.0605.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
215	03.0604.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
216	03.0630.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024

STT	MÃ DỊCH VỤ	NỘI DUNG	MỨC GIÁ	GHI CHÚ
217	03.0606.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
218	03.0647.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thoái hóa khớp	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
219	03.0650.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
220	03.3909.0505	Trích rạch áp xe nhỏ	218.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
221	03.4215.0754	Đo khúc xạ khách quan	12.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
222	03.1658.0778	Lấy dị vật giác mạc [giác mạc nông, một mắt, gây tê]	99.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
223	03.1706.0782	Lấy dị vật kết mạc	71.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
224	03.1689.0785	Lấy calci đông dưới kết mạc	40.900	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
225	03.1695.0842	Rửa cùng đồ	48.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
226	03.1699.0849	Soi đáy mắt trực tiếp	60.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
227	03.2117.0901	Lấy dị vật tai [đơn giản]	70.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
228	03.1942.1010	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	380.100	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
229	03.1915.1024	Nhổ chân răng vĩnh viễn	217.200	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
230	03.1914.1025	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	110.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
231	03.1956.1029	Nhổ chân răng sữa	46.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
232	03.1955.1029	Nhổ răng sữa	46.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
233	03.1957.1033	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em	36.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
234	10.9004.0075	Cắt chỉ	40.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
235	10.9003.0200	Thay băng [chiều dài ≤ 15cm]	64.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
236	10.9003.0201	Thay băng [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	89.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
237	10.9003.0202	Thay băng [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	121.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
238	10.9003.0203	Thay băng [chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng]	148.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
239	10.9003.0204	Thay băng [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	193.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
240	10.9003.0205	Thay băng [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	275.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
241	10.9005.0216	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [tổn thương nông]	194.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024

STT	MÃ DỊCH VỤ	NỘI DUNG	MỨC GIÁ	GHI CHÚ
242	11.0116.0199	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	279.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
243	11.0005.2043	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn [dưới 5% diện tích cơ thể]	130.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
244	11.0010.2043	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em [dưới 5% diện tích cơ thể]	130.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
245	11.0005.1148	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn [dưới 10% diện tích cơ thể]	262.900	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
246	11.0010.1148	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em [dưới 10% diện tích cơ thể]	262.900	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
247	14.0258.0754	Đo khúc xạ máy	12.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
248	14.0205.0759	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu	53.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
249	14.0202.0785	Lấy calci kết mạc	40.900	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
250	15.0303.0200	Thay băng vết mổ [chiều dài ≤ 15 cm]	64.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
251	15.0303.2047	Thay băng vết mổ [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	89.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
252	15.0303.0202	Thay băng vết mổ [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	121.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
253	15.0303.0204	Thay băng vết mổ [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	193.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
254	15.0303.0205	Thay băng vết mổ [chiều dài > 50 cm nhiễm trùng]	275.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
255	15.0051.0216	Khâu vết rách vành tai	194.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
256	15.0301.0216	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương nông chiều dài < 10 cm]	194.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
257	15.0301.0217	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương nông chiều dài ≥ 10 cm]	269.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
258	15.0301.0218	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương sâu chiều dài < 10 cm]	289.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
259	15.0301.0219	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương sâu chiều dài ≥ 10 cm]	354.200	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
260	15.0304.0505	Trích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	218.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
261	15.0056.0882	Chọc hút dịch vành tai	64.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
262	16.0214.1007	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	178.900	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
263	16.0298.1009	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	414.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
264	16.0232.1016	Điều trị tủy răng sữa [một chân]	296.100	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024

STT	MÃ DỊCH VỤ	NỘI DUNG	MỨC GIÁ	GHI CHÚ
265	16.0232.1017	Điều trị tủy răng sữa [nhiều chân]	415.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
266	16.0071.1018	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement	369.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
267	16.0236.1019	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement	112.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
268	16.0043.1020	Lấy cao răng [hai hàm]	159.100	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
269	16.0043.1021	Lấy cao răng [một vùng hoặc một hàm]	92.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
270	16.0206.1026	Nhổ răng thừa	239.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
271	16.0203.1026	Nhổ răng vĩnh viễn	239.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
272	16.0070.1031	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement	280.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
273	16.0226.1035	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement	245.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
274	17.0008.0253	Điều trị bằng siêu âm	48.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
275	17.0252.0279	Xoa bóp áp lực hơi	32.900	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
276	21.0067.0884	Ghi đáp ứng thính giác thân não (ABR)	185.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
277	21.0064.0885	Đo nhĩ lượng	34.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
278	21.0060.0890	Đo thính lực đơn âm	49.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
279	21.0062.0891	Đo thính lực trên ngưỡng	74.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
280	21.0037.1777	Ghi điện não đồ vi tính	75.200	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
281	07.0225.0200	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường [chiều dài $\leq 15\text{cm}$]	64.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
282	07.0225.0201	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	89.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
283	07.0233.0355	Gột chai chân (gột nốt chai) trên người bệnh đái tháo đường	292.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
284	08.0008.0224	Ôn châm [kim ngắn]	76.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
285	08.0007.0227	Cấy chỉ	156.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
286	08.0267.0227	Cấy chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp	156.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
287	08.0241.0227	Cấy chỉ điều trị hội chứng thắt lưng hông	156.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
288	08.0228.0227	Cấy chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	156.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
289	08.0009.0228	Cứu	37.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024

STT	MÃ DỊCH VỤ	NỘI DUNG	MỨC GIÁ	GHI CHÚ
290	08.0461.0228	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	37.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
291	08.0451.0228	Cứu điều trị hội chứng thắt lưng- hông thể phong hàn	37.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
292	08.0005.0230	Điện châm [kim ngắn]	78.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
293	08.0313.0230	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	78.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
294	08.0483.0280	Xoa bóp bấm huyết bằng tay	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
295	08.0408.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau đầu, đau nửa đầu	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
296	08.0429.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau do thoái hóa khớp	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
297	08.0392.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng thắt lưng- hông	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
298	08.0419.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền đình	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
299	08.0391.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
300	08.0428.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm khớp dạng thấp	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024

Bảng giá thu dịch vụ được áp dụng từ ngày 01 tháng 08 năm 2025

BẢNG GIÁ THU DỊCH VỤ

(Kèm theo thông báo số: 08a/TB-TTYT ngày 15 tháng 07 năm 2025 của TTYT khu vực Cao Lãnh 1)

Đơn vị tính: đồng				
STT	MÃ DỊCH VỤ	NỘI DUNG	MỨC GIÁ	GHI CHÚ
1		Công khám (Trung tâm Y tế)	39.800	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
2		Công khám (Trạm Y tế)	36.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
3		Khám sức khỏe toàn diện lao động, lái xe, khám sức khỏe định kỳ (không kể xét nghiệm, X-quang)	160.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
4		Phô tô	10.000	
5	01.0285.1349	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường	13.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
6	01.0002.1778	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	39.900	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
7	02.0314.0001	Siêu âm ổ bụng	58.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
8	18.0121.0013	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
9	18.0081.2001	Chụp X-quang răng cận chóp (Periapical)	16.100	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
10	18.0072.0028	Chụp X-quang Blondeau [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
11	18.0125.0028	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
12	18.0089.0028	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2 [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
13	18.0087.0028	Chụp X-quang cột sống cổ chéch hai bên [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
14	18.0086.0028	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
15	18.0096.0028	Chụp X-quang cột sống cùng cắt thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
16	18.0090.0028	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
17	18.0092.0028	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chéch hai bên [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
18	18.0095.0028	Chụp X-quang cột sống thắt lưng De Sèze [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
19	18.0094.0028	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
20	18.0093.0028	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024

STT	MÃ DỊCH VỤ	NỘI DUNG	MỨC GIÁ	GHI CHÚ
21	18.0091.0028	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
22	18.0123.0028	Chụp X-quang đỉnh phổi ưỡn [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
23	18.0074.0028	Chụp X-quang hàm chéch một bên [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
24	18.0073.0028	Chụp X-quang Hirtz [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
25	18.0076.0028	Chụp X-quang hố yên thẳng hoặc nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
26	18.0071.0028	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
27	18.0112.0028	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéch [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
28	18.0110.0028	Chụp X-quang khớp háng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
29	18.0109.0028	Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
30	18.0105.0028	Chụp X-quang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle) [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
31	18.0104.0028	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéch [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
32	18.0080.0028	Chụp X-quang khớp thái dương hàm [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
33	18.0122.0028	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chéch [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
34	18.0101.0028	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chéch [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
35	18.0100.0028	Chụp X-quang khớp vai thẳng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
36	18.0098.0028	Chụp X-quang khung chậu thẳng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
37	18.0068.0028	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
38	18.0069.0028	Chụp X-quang mặt thấp hoặc mặt cao [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
39	18.0085.0028	Chụp X-quang mỏm trâm [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
40	18.0120.0028	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chéch mỗi bên [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
41	18.0119.0028	Chụp X-quang ngực thẳng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
42	18.0067.0028	Chụp X-quang sọ thẳng/ngiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
43	18.0070.0028	Chụp X-quang sọ tiếp tuyến [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
44	18.0102.0028	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
45	18.0108.0028	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéch [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024

STT	MÃ DỊCH VỤ	NỘI DUNG	MỨC GIÁ	GHI CHÚ
46	18.0116.0028	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
47	18.0113.0028	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
48	18.0114.0028	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
49	18.0106.0028	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
50	18.0103.0028	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
51	18.0075.0028	Chụp X-quang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
52	18.0115.0028	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
53	18.0107.0028	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
54	18.0099.0028	Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chếch [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
55	18.0111.0028	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
56	18.0117.0028	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
57	18.0121.0028	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
58	18.0072.0029	Chụp X-quang Blondeau [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
59	18.0089.0029	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2 [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
60	18.0086.0029	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
61	18.0096.0029	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
62	18.0090.0029	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
63	18.0092.0029	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chếch hai bên [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
64	18.0093.0029	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
65	18.0091.0029	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
66	18.0071.0029	Chụp X-quang hóc mắt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
67	18.0112.0029	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
68	18.0104.0029	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
69	18.0068.0029	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024

STT	MÃ DỊCH VỤ	NỘI DUNG	MỨC GIÁ	GHI CHÚ
70	18.0067.0029	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
71	18.0102.0029	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
72	18.0108.0029	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
73	18.0116.0029	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
74	18.0113.0029	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
75	18.0114.0029	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
76	18.0106.0029	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
77	18.0115.0029	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
78	18.0107.0029	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
79	18.0111.0029	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
80	18.0117.0029	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
81	18.0088.0030	Chụp X-quang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế [số hóa 3 phim]	130.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
82	18.0097.0030	Chụp X-quang khớp cùng chậu thẳng chếch hai bên [số hóa 3 phim]	130.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
83	21.0014.1778	Điện tim thường	39.900	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
84	22.0019.1348	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	13.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
85	22.9000.1349	Thời gian đông máu	13.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
86	22.0138.1362	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	39.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
87	22.0121.1369	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	49.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
88	23.0019.1493	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	22.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
89	23.0020.1493	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	22.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
90	23.0003.1494	Định lượng Acid Uric [Máu]	22.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
91	23.0007.1494	Định lượng Albumin [Máu]	22.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
92	23.0051.1494	Định lượng Creatinin (máu)	22.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
93	23.0076.1494	Định lượng Globulin [Máu]	22.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024

STT	MÃ DỊCH VỤ	NỘI DUNG	MỨC GIÁ	GHI CHÚ
94	23.0075.1494	Định lượng Glucose [Máu]	22.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
95	23.0060.1496	Định lượng Ethanol (cồn) [Máu]	33.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
96	23.0041.1506	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	28.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
97	23.0084.1506	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	28.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
98	23.0112.1506	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	28.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
99	23.0158.1506	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]	28.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
100	23.0234.1510	Đường máu mao mạch	16.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
101	23.0063.1514	Định lượng Ferritin [Máu]	84.100	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
102	23.0077.1518	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]	20.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
103	23.0083.1523	Định lượng HbA1c [Máu]	105.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
104	23.0244.1544	Phản ứng CRP	22.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
105	23.0121.1548	Định lượng proBNP (NT-proBNP) [Máu]	424.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
106	23.0068.1561	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine) [Máu]	67.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
107	23.0069.1561	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu]	67.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
108	23.0161.1569	Định lượng Troponin I [Máu]	78.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
109	23.0162.1570	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]	61.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
110	23.0173.1575	Định tính Amphetamine (test nhanh) [niệu]	44.800	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
111	23.0188.1586	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh) [niệu]	44.800	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
112	23.0195.1589	Định tính Codein (test nhanh) [niệu]	44.800	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
113	23.0194.1589	Định tính Morphin (test nhanh) [niệu]	44.800	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
114	23.0193.1589	Định tính Opiate (test nhanh) [niệu]	44.800	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
115	23.0187.1593	Định lượng Glucose (niệu)	14.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
116	23.0201.1593	Định lượng Protein (niệu)	14.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
117	23.0206.1596	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)	28.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
118	23.0256.1599	Xentonic/sắc tố mật/muối mật/urobilinogen	6.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024

STT	MÃ DỊCH VỤ	NỘI DUNG	MỨC GIÁ	GHI CHÚ
119	23.0217.1605	Định lượng Glucose [dịch chọc dò]	13.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
120	23.0220.1608	Phản ứng Rivalta [dịch]	8.800	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
121	24.0169.1616	HIV Ab test nhanh	58.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
122	24.0144.1621	HCV Ab test nhanh	58.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
123	24.0183.1637	Dengue virus NS1Ag test nhanh	142.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
124	24.0127.1643	HBcAb test nhanh	65.200	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
125	24.0133.1643	HBeAb test nhanh	65.200	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
126	24.0122.1643	HBsAb test nhanh	65.200	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
127	24.0130.1645	HBeAg test nhanh	65.200	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
128	24.0117.1646	HBsAg test nhanh	58.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
129	24.0267.1674	Trứng giun, sán soi tươi	45.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
130	24.0319.1674	Vi nấm soi tươi	45.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
131	24.0289.1694	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính	35.100	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
132	24.0017.1714	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	74.200	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
133	24.0099.1708	Treponema pallidum RPR định tính và định lượng [định tính]	41.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
134	13.0148.0630	Lấy dị vật âm đạo	653.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
135	13.0231.0643	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 8 tuần	352.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
136	13.0229.0643	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 9 tuần	352.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
137	13.0241.0644	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không	450.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
138	13.0239.0645	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần	199.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
139	13.0238.0648	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không	429.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
140		Đặt và tháo dụng cụ tử cung	252.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
141	25.0089.1735	Xét nghiệm tế bào học áp nhuộm thường quy	190.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
142	24.0001.1714	Vi khuẩn nhuộm soi	74.200	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
143	24.0321.1674	Vi nấm nhuộm soi	45.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024

STT	MÃ DỊCH VỤ	NỘI DUNG	MỨC GIÁ	GHI CHÚ
144	24.0318.1674	Trichomonas vaginalis nhuộm soi	45.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
145	24.0317.1674	Trichomonas vaginalis soi tươi	45.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
146		Đánh giá số lượng các thao tác cần thiết để thực hiện một nhiệm vụ đơn giản hoặc những thao tác lặp lại nhiều lần	140.000	Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
147		Hơi khí độc chỉ điểm và các hơi khí độc khác: CO; SO ₂ ; CO ₂ ; NO ₂ ; H ₂ S; NH ₃	140.000	Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
148		Nhiệt độ, Âm độ, Vận tốc gió	56.000	Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
149		Đo ánh sáng	18.000	Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
150		Bụi hô hấp - trọng lượng (mẫu thời điểm)	140.000	Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
151		Ồn chung	35.000	Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
152		Điện từ trường (tần số cao)	90.000	Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
153		Điện từ trường (tần số công nghiệp)	56.000	Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
154		Đánh giá tư thế lao động theo phương pháp Owass	70.000	Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
155		Đánh giá căng thẳng thần kinh tâm lý	22.000	Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
156	01.0216.0103	Đặt ống thông dạ dày	101.800	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
157	02.0145.1777	Ghi điện não thường quy	75.200	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
158	02.0024.1791	Đo chức năng hô hấp	144.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
159	03.0113.0074	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	532.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
160	03.1703.0075	Cắt chỉ khâu da	40.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
161	03.1690.0075	Cắt chỉ khâu kết mạc	40.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
162	03.3826.0075	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	40.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
163	03.3911.0200	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài ≤ 15cm]	64.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
164	03.3826.0200	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài ≤ 15cm]	64.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
165	03.3911.0201	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	89.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
166	03.3826.2047	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	89.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
167	03.3911.0202	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	121.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024

STT	MÃ DỊCH VỤ	NỘI DUNG	MỨC GIÁ	GHI CHÚ
168	03.3826.0202	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	121.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
169	03.3911.0203	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng]	148.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
170	03.3826.0203	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng]	148.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
171	03.3911.0204	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	193.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
172	03.3826.0204	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	193.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
173	03.3911.0205	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	275.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
174	03.3826.0205	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	275.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
175	03.2389.0212	Tiêm bắp thịt	15.100	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
176	03.2388.0212	Tiêm dưới da	15.100	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
177	03.2390.0212	Tiêm tĩnh mạch	15.100	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
178	03.2387.0212	Tiêm trong da	15.100	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
179	03.2391.0215	Truyền tĩnh mạch	25.100	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
180	03.3821.0216	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	194.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
181	03.3827.0216	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm [tổn thương nông]	194.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
182	03.2245.0216	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn thương nông chiều dài < 10 cm]	194.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
183	03.3825.0217	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [tổn thương nông]	269.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
184	03.2245.0217	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn thương nông chiều dài $\geq$ 10 cm]	269.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
185	03.0446.0227	Cấy chỉ điều trị đau lưng	156.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
186	03.0411.0227	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh tọa	156.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
187	03.0449.0227	Cấy chỉ điều trị hội chứng vai gáy	156.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
188	03.0406.0227	Cấy chỉ điều trị liệt chi dưới	156.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
189	03.0405.0227	Cấy chỉ điều trị liệt chi trên	156.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
190	03.0407.0227	Cấy chỉ điều trị liệt nửa người	156.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
191	03.0445.0227	Cấy chỉ điều trị thoái hóa khớp	156.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024

STT	MÃ DỊCH VỤ	NỘI DUNG	MỨC GIÁ	GHI CHÚ
192	03.0671.0228	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	37.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
193	03.0672.0228	Cứu điều trị đau thần kinh tọa thể hàn	37.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
194	03.0527.0230	Điện châm điều trị đau lưng	78.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
195	03.0467.0230	Điện châm điều trị đau thần kinh tọa	78.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
196	03.0461.0230	Điện châm điều trị di chứng bại liệt	78.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
197	03.0530.0230	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy	78.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
198	03.0463.0230	Điện châm điều trị liệt chi dưới	78.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
199	03.0462.0230	Điện châm điều trị liệt chi trên	78.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
200	03.0484.0230	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	78.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
201	03.0464.0230	Điện châm điều trị liệt nửa người	78.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
202	03.0526.0230	Điện châm điều trị thoái hóa khớp	78.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
203	03.0483.0230	Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	78.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
204	03.0525.0230	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp	78.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
205	03.0529.0230	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai	78.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
206	03.0773.0234	Điều trị bằng các dòng điện xung	44.900	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
207	03.0774.0237	Điều trị bằng tia hồng ngoại	40.900	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
208	03.0274.0238	Kéo nắn cột sống cổ	54.800	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
209	03.0275.0238	Kéo nắn cột sống thắt lưng	54.800	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
210	03.0708.0253	Siêu âm điều trị	48.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
211	03.0648.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
212	03.0607.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh tọa	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
213	03.0651.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
214	03.0605.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
215	03.0604.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
216	03.0630.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024

STT	MÃ DỊCH VỤ	NỘI DUNG	MỨC GIÁ	GHI CHÚ
217	03.0606.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
218	03.0647.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thoái hóa khớp	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
219	03.0650.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
220	03.3909.0505	Trích rạch áp xe nhỏ	218.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
221	03.4215.0754	Đo khúc xạ khách quan	12.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
222	03.1658.0778	Lấy dị vật giác mạc [giác mạc nông, một mắt, gây tê]	99.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
223	03.1706.0782	Lấy dị vật kết mạc	71.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
224	03.1689.0785	Lấy calci đông dưới kết mạc	40.900	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
225	03.1695.0842	Rửa cùng đồ	48.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
226	03.1699.0849	Soi đáy mắt trực tiếp	60.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
227	03.2117.0901	Lấy dị vật tai [đơn giản]	70.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
228	03.1942.1010	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	380.100	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
229	03.1915.1024	Nhổ chân răng vĩnh viễn	217.200	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
230	03.1914.1025	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	110.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
231	03.1956.1029	Nhổ chân răng sữa	46.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
232	03.1955.1029	Nhổ răng sữa	46.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
233	03.1957.1033	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em	36.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
234	10.9004.0075	Cắt chỉ	40.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
235	10.9003.0200	Thay băng [chiều dài ≤ 15cm]	64.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
236	10.9003.0201	Thay băng [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	89.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
237	10.9003.0202	Thay băng [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	121.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
238	10.9003.0203	Thay băng [chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng]	148.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
239	10.9003.0204	Thay băng [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	193.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
240	10.9003.0205	Thay băng [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	275.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
241	10.9005.0216	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [tổn thương nông]	194.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024

STT	MÃ DỊCH VỤ	NỘI DUNG	MỨC GIÁ	GHI CHÚ
242	11.0116.0199	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	279.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
243	11.0005.2043	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn [dưới 5% diện tích cơ thể]	130.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
244	11.0010.2043	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em [dưới 5% diện tích cơ thể]	130.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
245	11.0005.1148	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn [dưới 10% diện tích cơ thể]	262.900	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
246	11.0010.1148	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em [dưới 10% diện tích cơ thể]	262.900	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
247	14.0258.0754	Đo khúc xạ máy	12.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
248	14.0205.0759	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu	53.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
249	14.0202.0785	Lấy calci kết mạc	40.900	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
250	15.0303.0200	Thay băng vết mổ [chiều dài ≤ 15 cm]	64.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
251	15.0303.2047	Thay băng vết mổ [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	89.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
252	15.0303.0202	Thay băng vết mổ [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	121.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
253	15.0303.0204	Thay băng vết mổ [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	193.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
254	15.0303.0205	Thay băng vết mổ [chiều dài > 50 cm nhiễm trùng]	275.600	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
255	15.0051.0216	Khâu vết rách vành tai	194.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
256	15.0301.0216	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương nông chiều dài < 10 cm]	194.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
257	15.0301.0217	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương nông chiều dài ≥ 10 cm]	269.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
258	15.0301.0218	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương sâu chiều dài < 10 cm]	289.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
259	15.0301.0219	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương sâu chiều dài ≥ 10 cm]	354.200	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
260	15.0304.0505	Trích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	218.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
261	15.0056.0882	Chọc hút dịch vành tai	64.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
262	16.0214.1007	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	178.900	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
263	16.0298.1009	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	414.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
264	16.0232.1016	Điều trị tủy răng sữa [một chân]	296.100	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024

STT	MÃ DỊCH VỤ	NỘI DUNG	MỨC GIÁ	GHI CHÚ
265	16.0232.1017	Điều trị tủy răng sữa [nhiều chân]	415.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
266	16.0071.1018	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement	369.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
267	16.0236.1019	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement	112.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
268	16.0043.1020	Lấy cao răng [hai hàm]	159.100	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
269	16.0043.1021	Lấy cao răng [một vùng hoặc một hàm]	92.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
270	16.0206.1026	Nhổ răng thừa	239.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
271	16.0203.1026	Nhổ răng vĩnh viễn	239.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
272	16.0070.1031	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement	280.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
273	16.0226.1035	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement	245.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
274	17.0008.0253	Điều trị bằng siêu âm	48.700	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
275	17.0252.0279	Xoa bóp áp lực hơi	32.900	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
276	21.0067.0884	Ghi đáp ứng thính giác thân não (ABR)	185.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
277	21.0064.0885	Đo nhĩ lượng	34.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
278	21.0060.0890	Đo thính lực đơn âm	49.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
279	21.0062.0891	Đo thính lực trên ngưỡng	74.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
280	21.0037.1777	Ghi điện não đồ vi tính	75.200	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
281	07.0225.0200	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường [chiều dài ≤ 15cm]	64.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
282	07.0225.0201	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	89.500	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
283	07.0233.0355	Gột chai chân (gột nốt chai) trên người bệnh đái tháo đường	292.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
284	08.0008.0224	Ôn châm [kim ngắn]	76.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
285	08.0007.0227	Cấy chỉ	156.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
286	08.0267.0227	Cấy chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp	156.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
287	08.0241.0227	Cấy chỉ điều trị hội chứng thắt lưng hông	156.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
288	08.0228.0227	Cấy chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	156.400	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
289	08.0009.0228	Cứu	37.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024

STT	MÃ DỊCH VỤ	NỘI DUNG	MỨC GIÁ	GHI CHÚ
290	08.0461.0228	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	37.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
291	08.0451.0228	Cứu điều trị hội chứng thắt lưng- hông thể phong hàn	37.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
292	08.0005.0230	Điện châm [kim ngắn]	78.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
293	08.0313.0230	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	78.300	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
294	08.0483.0280	Xoa bóp bấm huyệt bằng tay	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
295	08.0408.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
296	08.0429.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
297	08.0392.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
298	08.0419.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
299	08.0391.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024
300	08.0428.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	76.000	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/12/2024

Bảng giá thu dịch vụ được áp dụng từ ngày 01 tháng 08 năm 2025

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM Y TẾ
KHU VỰC CAO LÃNH 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 23/TB-TTYT

Phường Cao Lãnh, ngày 07 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO

**Về việc công khai mức giá thu dịch vụ khung giá một số
dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc
thay thế tại cơ sở điều trị thuộc Trung tâm Y tế khu vực Cao Lãnh 1**

Kính gửi:

- Khoa, phòng;
- Trạm Y tế phường;
- Các Điểm Y tế;
- Quý khách hàng.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 38/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y Tế - Bộ Tài Chính ban hành mức tối đa khung giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về quy định khung giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế tại cơ sở điều trị của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về đảm bảo tài chính chấm dứt dịch bệnh AIDS trên địa bàn tỉnh vào năm 2030.

Căn cứ Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2025 Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc áp dụng, bãi bỏ các quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành.

Căn cứ Quyết định số 380/QĐ-SYT ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Sở Y tế Đồng Tháp về việc giao số người làm việc năm 2025 trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 90/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 09 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế khu vực Cao Lãnh 1 thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp;

Trung tâm Y tế khu vực Cao Lãnh 1 thông báo các nội dung:

Căn cứ Công văn số 1507/SYT-VP ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp về việc triển khai thực hiện các Quyết định của UBND tỉnh tiếp tục áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, trong đó có Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về quy định khung giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế tại cơ sở điều trị của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang với mức giá thu dịch vụ như sau:

- Bảng giá dịch vụ đính kèm.
- Thời gian thực hiện kể từ ngày 01/11/2025.

Trung tâm Y tế khu vực Cao Lãnh 1 thực hiện công khai giá bằng hình thức trên phần mềm quản lý văn bản (VNPT iOffice) và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trung tâm Y tế: trungtamytetpcl.gov.vn.

Đề nghị Lãnh đạo Khoa, Phòng và Trạm Y tế phường, Các Điểm Y tế và quý khách hành thực hiện tốt nội dung Thông báo này./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.



Trương Quốc Dũng



BẢNG GIÁ THU DỊCH VỤ

**ĐIỀU TRỊ NGHIỆN CÁC CHẤT DẠNG THUỐC PHIỆN BẰNG THUỐC THAY THẾ TẠI CƠ SỞ
ĐIỀU TRỊ THUỐC TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC CAO LÃNH 1**

(Thực hiện theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Tiền Giang
và Quyết định số: 580/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá tiền	Ghi chú
I	Khám (Không bao gồm thuốc và xét nghiệm)			
1	Khám ban đầu	Đồng/lần khám/người	30.000	Tối đa không quá 1 lần/người/quá trình điều trị
2	Khám khởi liệu điều trị	Đồng/lần khám/người	15.000	Tối đa không quá 1 lần/người/quá trình điều trị
3	Khám định kỳ	Đồng/lần khám/người	10.000	01 lần/01 tháng hoặc khám theo yêu cầu
II	Cấp phát thuốc (Không bao gồm thuốc)			
4	Tại cơ sở điều trị thay thế	Đồng/lần/người/ ngày	10.000	
III	Tư vấn (Không bao gồm thuốc và xét nghiệm)			
5	Tư vấn cá nhân	Đồng/lần/người	5.000	- Năm đầu điều trị (Không quá 14 lần/năm) - Từ năm điều trị thứ hai (Không quá 04 lần/năm) - Tư vấn khác theo yêu cầu của bệnh nhân
6	Tư vấn nhóm	Đồng/lần/người	3.000	- Năm đầu điều trị (Không quá 6 lần/năm) - Từ năm điều trị thứ hai (Không quá 04 lần/năm)
IV	Thuốc			- Theo giá thực tế khi không có nguồn tài trợ
IV	Xét nghiệm			- Theo giá thực tế khi không có nguồn tài trợ

Bảng giá thu dịch vụ được áp dụng từ ngày 01 tháng 11 năm 2025 theo Thông báo số: 23/TB-TTYT ngày 07/10/2025 của Trung tâm Y tế khu vực Cao Lãnh 1.